XV. PHẨM THÁNH ĐẠO
(*ARIYAVAGGA*)

I. KINH THÁNH ĐẠO (*Ariyamaggasutta*)[183] (*A*. V. 244)

145. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Thánh đạo và phi Thánh đạo").

II. KINH HẮC ĐẠO (*Kaṇhamaggasutta*)[184] (*A*. V. 244)

146. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hắc đạo và bạch đạo").

III. KINH DIỆU PHÁP (*Saddhammasutta*)[185] (*A*. V. 245)

147. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Diệu pháp và phi Diệu pháp").

IV. KINH PHÁP BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisadhammasutta*)[186] (*A*. V. 245)

148. (Như kinh 135, chỉ thay thế "chân nhân pháp và phi chân nhân pháp").

V. KINH CẦN KHỞI LÊN (*Uppādetabbasutta*) (*A*. V. 245)

149. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần khởi lên và không cần khởi lên").

VI. KINH CẦN THỰC HÀNH (*Āsevitabbasutta*) (*A*. V. 246)

150. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải thực hành và không cần phải thực hành").

VII. KINH CẦN TU TẬP (*Bhāvetabbasutta*) (*A*. V. 246)

151. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải tu tập và không cần phải tu tập").

VIII. KINH CẦN LÀM SUNG MÃN (*Bahulīkātabbasutta*) (*A*. V. 246)

152. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải làm sung mãn và không cần phải làm sung mãn").

IX. KINH CẦN PHẢI NHỚ (*Anussaritabbasutta*) (*A*. V. 247)

153. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải nhớ và không cần phải nhớ").

---

[183] Bản tiếng Anh của PTS: *Ariyan and Unariyan*, nghĩa là *Thánh và phàm*.

[184] Bản tiếng Anh của PTS: *Bright Way and Dark Way*, nghĩa là *Bạch đạo và hắc đạo*.

[185] Bản tiếng Anh của PTS: *True Dhamma and False Dhamma*, nghĩa là *Diệu pháp và phi Diệu pháp*

[186] Bản tiếng Anh của PTS: *Very Man Dhamma and Its Opposite*, nghĩa là *Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp*.

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (*Sacchikātabbasutta*) (*A*. V. 247)

154. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ").

XVI. PHẨM NGƯỜI
(*PUGGALAVAGGA*)

I. KINH NÊN THÂN CẬN (*Sevitabbasutta*)[187] (*A*. V. 247)

155. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Người có tà kiến, tà tư duy... tà giải thoát.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người không nên thân cận.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận. Thế nào là mười? Người có Chánh kiến... chánh giải thoát.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận.

II-XII. NHÓM KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NÊN GIAO THIỆP (*Bhajitabbādisuttāni*)[188] (*A*. V. 248)

156-166. Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hầu hạ... nên hầu hạ... không nên đảnh lễ... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính... nên tỏ sự cung kính... không thành công... thành công... không thanh tịnh... có thanh tịnh... không chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... có tăng trưởng với trí tuệ... tạo nhiều phi công đức... tạo nhiều công đức. Thế nào là mười?

Chánh kiến... chánh giải thoát.

Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người tạo nhiều công đức.

---

[187] Bản tiếng Anh của PTS: *Not to Be Followed*, nghĩa là *Không nên thân cận*.

[188] Bản tiếng Anh của PTS: *Various Persons*, nghĩa là *Nhiều người khác nhau*.